

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 23-7-2019

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Thu Hà
2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2019 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXX - ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-DS ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đồng Hữu H sinh năm: 1954

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện T T, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị L sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông H, bà L đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Đồng Hữu H trình bày: ông và bà L xây dựng gia đình với nhau vào năm 1979, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 18/3/1979. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được 12 năm

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau và do bà L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng do vợ chồng không còn tình cảm với nhau và vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân được 26 năm. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà L nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Về con chung ông H xác định trong quá trình chung sống có 03 con chung là Đồng Hữu H1, sinh năm 1982, Đồng Thị V, sinh năm 1984 và Đồng Thế A, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Vũ Thị L trình bày: Bà và ông H xây dựng gia đình với nhau năm 1979 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần bỏ qua cho ông H nhưng ông H không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên vợ chồng đã tự sống ly thân hơn 10 năm. Vì vậy, ông H yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung hiện nay các con chung của ông bà đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà L xác định vợ chồng tự thỏa thuận không trả chấp gì, về nợ chung bà L xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà L nhưng bà L không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông H, xử cho ông H được ly hôn với bà L. Về con chung hiện nay các con chung của ông H và bà L đều đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết giao nuôi con sau khi ly hôn trong vụ án này. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đồng Hữu H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Vũ Thị L đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt ông H, bà L theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L xây dựng gia đình với nhau năm 1979 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nhưng theo ông H trình bày đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên không xuất trình cho Tòa án được. Tuy nhiên quan hệ hôn nhân của ông H và bà L được xác lập trước ngày 03/01/1987, quá trình chung sống không được hòa thuận hạnh phúc nên ông H làm đơn yêu cầu ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án trA chấp về hôn nhân gia đình về việc: “*ly hôn*” là phù hợp.

Tại phiên tòa, ông H và bà L vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai ông H xác định do vợ chồng không hợp nhau và do bà L có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân được khoảng 26 năm. Còn trong lời khai của bà L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ với người nhiều phụ nữ khác, bà đã bỏ qua cho ông H nhiều lần nhưng ông H không thay đổi nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H với bà L là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, cả hai vợ chồng lại không tìm được biện pháp để cải thiện nên đã tự sống ly thân từ lâu, bà L chuyển vào Nam sinh sống còn ông H vẫn ở ngoài Bắc, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của ông H, xử cho ông H và bà L được ly hôn là H toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: ông H và bà L có ba con chung là Đồng Hữu H1, sinh năm 1982, Đồng Thị V, sinh năm 1984 và Đồng Thế A, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung của ông H, bà L đều đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét mà đây là trách nhiệm chung của cả ông H và bà L đối với các con.

[4]. Về tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng không có tài sản chung còn bà L xác định không trA chấp gì với ông H về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Cả ông H và bà L đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Đồng Hữu H, xử cho ông Đồng Hữu H và bà Vũ Thị L được ly hôn.

2/ Về án phí: Ông Đồng Hữu H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001179 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông H đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh